

Số: 1261/TT-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số: 3497

ĐẾN Ngày: 16/6/2022

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Sáu.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về Kết quả giám sát “Việc thực hiện Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu xem xét ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, gồm các nội dung sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

1 Tại Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11

năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”.

2. Tại tiết 2, điểm 2.2, khoản 2, mục II của Báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai có nêu: “*kiểm tra việc rà soát việc thực hiện thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi nếu cần thiết*”.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích:

1.1. Sửa đổi mục II khoản 3 điều 1 phụ lục Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Trong thời gian qua, việc thực hiện thu phí đối với khoản thu quy định tại mục II phụ lục Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND “Phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) có chở gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cao su), chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh” gặp khó khăn vì chưa có thông tin cụ thể để xác định đối tượng thu, phải có hồ sơ liên quan đến thủ tục kê khai hàng hóa hoặc phải có xác nhận phương tiện thuộc đối tượng phải thu của các lực lượng chức năng; việc kê khai thủ tục hàng hóa tại địa điểm tập kết hàng hóa do Cục Hải quan Gia Lai – Kon Tum cấp phép, điểm tập kết nằm sau Trạm kiểm soát liên hợp trong khi đó việc thu phí trước khi làm thủ tục.

- Kết quả thu cho thấy từ năm 2020 đến nay 2017 không có phát sinh số thu phí đối với khoản thu quy định tại Mục II Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm. Lý do, năm 2018, 2019 có phát sinh chủ yếu do phương tiện nhập khẩu gỗ từ Campuchia; từ năm 2020 đến nay, không phát sinh do chính sách đóng cửa rừng của nước bạn.

- Hiện nay, trên cả nước tất cả các khu kinh tế có cửa khẩu đều áp dụng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu. Vì vậy, mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

ĐVT: 1.000 đồng/xe/lượt qua cửa khẩu

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức tham khảo một số tỉnh			Mức thu phí đang áp dụng theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017
		Tây Ninh	Bình Phước	Kom Tum	
I	Xe chở khách, chở hàng hóa thông thường				
1	Xe ô tô chở khách dưới 12 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng dưới 02 tấn.	100		50	50
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	200	140	70	60
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	300	220	130	120
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	400	250	220	180
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	500	300	320	230

Vì vậy, để thuận tiện trong việc thu phí đề nghị bỏ mục II Khoản 3 Điều 1 Phụ lục của Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017.

1.2. Bổ sung khoản 4 điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai như sau:

Việc thu phí là thu cả phương tiện ra và phương tiện vào Cửa khẩu nên ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí của doanh nghiệp; trong quá trình thu rất nhiều doanh nghiệp đề nghị chỉ thu phí phương tiện chở hàng hóa, chở khách, không thu phí phương tiện không chở hàng hóa, xe không chở hành khách nhằm tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn doanh nghiệp vận tải hàng hoá và doanh nghiệp vận chuyển hành khách.

Vì vậy, để tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, nhất là trong điều kiện ảnh hưởng của dịch Covid -19, đề nghị tại khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 bổ sung thêm nội dung “xe không chở hàng hóa, xe không chở hành khách”.

1.3. Thay đổi bổ sung một số căn cứ pháp lý trong Nghị quyết số

73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bổ sung thêm căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Thay đổi Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (vì Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 đã thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016).

- Bỏ căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu vì hết hiệu lực thi hành.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Việc xây dựng Nghị quyết bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước quy định về lệ phí.

b) Đảm bảo sự phù hợp về thẩm quyền ban hành Nghị quyết; trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Giao cho Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành, đơn vị có liên quan, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổng hợp ý kiến góp ý, gửi Sở Tư pháp thẩm định hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy trình; Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (điều chỉnh, bổ sung)). Thời gian đăng tải Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh từ ngày 05/4/2022 đến ngày 05/5/2022 (<https://gialai.gov.vn/pages/dong-gop-du-thao-van-ban.aspx?ItemID=129>).

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Bố cục: Nghị quyết gồm 02 điều.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết: *(Có dự thảo nghị quyết kèm theo).*

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Sáu xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính; BQL KKT tỉnh, Công an tỉnh, Cục Hải quan GL-KT ;
- Đ/c CVP, các đ/c PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CNXD, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Phước Thành

Số: /2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; Báo cáo thẩm tra của Ban ... Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND như sau:

“3. Mức thu phí:

ĐVT: 1.000VND/xe/lượt

TT	Đối tượng thu	Mức thu
1	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn.	50
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi (năm) đến 30 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	60
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi (năm) trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	120
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	180
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	230

4. Đối tượng miễn nộp phí:

Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “phí đường bộ toàn quốc”; xe không chở hàng hóa; xe không chở hành khách; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tống; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của Nhà nước”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Số: 894 /STP-NV1

Gia Lai, ngày 03 tháng 6 năm 2022

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1672/STC-QLNS ngày 02/6/2022 của Sở Tài chính về việc thẩm định văn bản.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (*sau đây viết là dự thảo văn bản*), hồ sơ, tài liệu kèm theo Văn bản số 1672/STC-QLNS và đối chiếu với các quy định liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thông nhất với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí; khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 12, khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*); khoản 2 Điều 4, khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí; khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại Điều 1

Căn cứ mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời nhằm đảm bảo tính chính xác của văn bản, đề nghị sửa Điều 1 như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND như sau:

“3. Mức thu phí:

ĐVT: 1.000VNĐ/xe/lượt

TT	Đối tượng thu	Mức thu
1	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn.	50
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi (năm) đến 30 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	60

3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi (nằm) trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	120
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	180
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	230

4. Đối tượng miễn nộp phí:

Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “phí đường bộ toàn quốc”; xe không chở hàng hóa; xe không chở hành khách; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tống; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật.”

c) Tại Điều 2

Đề nghị bố cục hai dòng thành hai khoản (khoản 1 và khoản 2) tương ứng nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; các quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với quy định.

V. VẤN ĐỀ KHÁC

1. Qua rà soát Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý kèm theo Văn bản số 1672/STC-QLNS, nhận thấy Sở Tài chính **tổng hợp chưa đầy đủ ý kiến góp ý của Sở Tư pháp** (điểm c khoản 1 Mục I Văn bản số 540/STP-XD&KTVB ngày 08/4/2022). Đề nghị Sở Tài chính tổng hợp đầy đủ ý kiến góp ý của Sở Tư pháp.

2. Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC quy định: *“Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”*.

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị bổ sung nội dung thuyết minh, đánh giá sự phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lê Thanhtheo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản **đủ điều kiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh** sau khi các nội dung nêu tại Văn bản này được hoàn thiện, thống nhất với văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam

BẢNG SO SÁNH NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2016/NQ-HĐND VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

NGHỊ QUYẾT SỐ 47/2016/NQ-HĐND	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT MỚI
<p>Mức thu phí</p> <p>I. Xe chở người, phương tiện vận tải (trừ phương tiện vận tải có chõ hàng hóa quy định tại mục II bảng này)</p> <p>1. Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn: 50.000 đồng.</p> <p>2. Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi (năm) đến 30 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn: 60.000 đồng.</p> <p>3. Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi (năm) trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn: 120.000 đồng.</p> <p>4. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chõ hàng bằng container 20 fit: 180.000 đồng.</p> <p>5. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chõ hàng bằng container 40 fit: 230.000 đồng.</p> <p>II. Phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) có chõ gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cây cao su), chõ hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập hàng hóa chuyên khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh</p> <p>1. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn, có tải trọng CPTGGT: 200.000 đồng.</p> <p>2. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn: 300.000 đồng.</p> <p>3. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn: 800.000 đồng.</p> <p>4. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 18 tấn; xe chõ hàng bằng container 20 fit: 1.500.000 đồng.</p> <p>5. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 18 tấn; xe chõ hàng bằng container 40 fit: 2.000.000 đồng.</p>	<p>Mức thu phí</p> <p>1. Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn: 50.000 đồng.</p> <p>2. Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi (năm) đến 30 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn: 60.000 đồng.</p> <p>3. Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi (năm) trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn: 120.000 đồng.</p> <p>4. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chõ hàng bằng container 20 fit: 180.000 đồng.</p> <p>5. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chõ hàng bằng container 40 fit: 230.000 đồng.</p>
<p>4. Đối tượng miễn nộp phí: Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé "phí đường bộ toàn quốc"; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tổng; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của Nhà nước".</p>	<p>4. Đối tượng miễn nộp phí: Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé "phí đường bộ toàn quốc"; xe không chõ hàng hóa; xe không chõ hành khách; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tổng; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của Nhà nước".</p>

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

Thực hiện khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 03/6/2022, Sở Tư pháp đã có Công văn số 894/STP-NV1 v/v thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

Sở Tài chính báo cáo việc tiếp thu ý kiến, thẩm định tại Công văn số 894/STP-NV1 như sau:

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
Công văn số 894/STP-NV1 ngày 03/6/2022 của Sở Tư pháp	<p>1. Tại Điều 1</p> <p>Căn cứ mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời nhằm đảm bảo tính chính xác của văn bản, đề nghị sửa Điều 1 như sau:</p> <p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND như sau:</p> <p>“3. Mức thu phí:</p> <p>1. Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn: 50.000 đồng.</p>	Tiếp thu ý kiến thẩm định

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
	<p>2. Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi (năm) đến 30 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn: 60.000 đồng.</p> <p>3. Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi (năm) trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn: 120.000 đồng.</p> <p>4. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit: 180.000 đồng.</p> <p>5. Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit: 230.000 đồng.</p> <p>4. Đối tượng miễn nộp phí: Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “phí đường bộ toàn quốc”; xe không chở hàng hóa; xe không chở hành khách; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tống; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật.”</p> <p>2. Tại Điều 2 Đề nghị bổ cục hai dòng thành hai khoản (khoản 1 và khoản 2) tương ứng nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>3. Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; các quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với quy định.</p>	

Văn bản thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định
	<p>4. Vấn đề khác</p> <p>1. Qua rà soát Bảng tổng hợp các ý kiến góp ý kèm theo Văn bản số 1672/STC-QLNS, nhận thấy Sở Tài chính tổng hợp chưa đầy đủ ý kiến góp ý của Sở Tư pháp (điểm c khoản 1 Mục I Văn bản số 540/STP-XD&KTVB ngày 08/4/2022). Đề nghị Sở Tài chính tổng hợp đầy đủ ý kiến góp ý của Sở Tư pháp.</p> <p>2. Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC quy định: “Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”.</p> <p>Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị bổ sung nội dung thuyết minh, đánh giá sự phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC trong hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	

BẢNG TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN GÓP Ý

(Kèm theo Tờ trình số TTr-STC ngày tháng 6 năm 2022 của Sở Tài chính)

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN	Ghi chú
I	Các đơn vị tham gia góp ý		
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông nhất	
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Thông nhất	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông nhất	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thông nhất	
5	Sở Ngoại vụ	Thông nhất	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông nhất	
7	Sở Giao thông Vận tải	Thông nhất	
8	Sở Công thương	Thông nhất	
9	Sở thông tin và Truyền thông	Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo, tuy nhiên tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị sửa lỗi chính tả của các cụm từ “khi có thảm họa lớn” thành “khi có thảm họa lớn”; “xe công vụ gồm” thành “xe công vụ gồm”.	Tiếp thu và chỉnh sửa
10	Sở Xây dựng	Thông nhất	
11	Sở Nội vụ	Thông nhất	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<p>-Đề nghị bổ sung đầy đủ nội dung Tờ trình là “Đề nghị Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh”.</p> <p>-Đề nghị rà soát, kiểm tra thể thức, nội dung theo quy định tại Mẫu số 36, Mục II, Phụ lục I, Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:</p> <p>- Nội dung Điều 1 là: “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai”</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:...</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung Điều... như sau:...</p> <p>- Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện...</p> <p>- Điều 3. Điều khoản thi hành...</p> <p>- Tại nội dung sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị cơ quan xây dựng dự thảo chỉnh sửa lỗi chính tả một số cụm từ “lụt bão”, “khi có thảm họa”, “xe công vụ”, “xe của doanh nghiệp”.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN	Ghi chú
13	Sở Tư pháp	<p>- Đề nghị sửa tên gọi của dự thảo Nghị quyết như sau: "Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh".</p> <p>O dòng "Xét Tờ trình số": Nhằm đảm bảo tính chính xác của văn bản, đề nghị:</p> <p>- Sửa nội dung "về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai" thành "dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh".</p> <p>- Sửa cụm từ "đại biểu HĐND tỉnh" thành "đại biểu Hội đồng nhân dân".</p> <p>- Tại Điều 1: Tại Mục 1 dự thảo Tờ trình, cơ quan soạn thảo nêu trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND, việc thu phí đối với đối tượng quy định tại số thứ tự II khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND (Phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) có chõ gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cao su), chõ hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập hàng hóa chuyên khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh) gặp khó khăn, do đó đề nghị cơ quan có thẩm quyền bỏ đối tượng thu phí nêu trên quy định tại số thứ tự II khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND; Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết, phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) có chõ gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cao su), chõ hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập hàng hóa chuyên khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh thuộc đối tượng thu phí. Từ các nội dung nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xây dựng lại dự thảo văn bản đảm bảo thống nhất, chính xác.</p> <p>- Tại Điều 3: Căn cứ mẫu số 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, đề nghị sửa như sau:</p> <p>Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện</p> <p>Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> <p>Điều 4. Điều khoản thi hành</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...".</p> <p>- Tại phần Nơi nhận đề nghị bổ sung thêm Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp, "Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính", "Vụ Pháp chế thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư".</p> <p>Bỏ dấu gạch ngang (-) trong nội dung "KHÓA XII - KỶ HỢP THỨ SAU".</p> <p>- Trình bày các căn cứ ban hành văn bản trên các dòng riêng biệt.</p> <p>- Trình bày đầy đủ ngày tháng năm ban hành văn bản như sau: "ngày ... tháng ... năm ...", không sử dụng ký hiệu (/).</p> <p>- Trình bày từ "Nơi nhận" kiểu chữ nghiêng.</p> <p>- Rà soát, chỉnh sửa chính tả trong dự thảo văn bản, như: "lụt báo", "xe công vụ", "co tham họa lớn", "xe doang nghiệp",...</p>	Đã tiếp thu và đã chỉnh sửa
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>- Đề nghị bỏ "Căn cứ Công văn số 6403/VPCP-KTTH ngày 03/8/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng mức phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và các tiện ích trong khu vực cửa khẩu phù hợp với luật phí và lệ phí;"</p> <p>- Đối với nội dung bỏ đối tượng thu phí quy định tại mục II Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND do khó khăn trong triển khai công tác thu phí đề nghị xem xét đến phương án xây dựng quy chế phối hợp trong thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.</p> <p>- Đối với đề xuất bổ sung đối tượng miễn nộp phí: "Xe không chõ hàng hoá" tại Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị chỉnh sửa thành: "Xe không chõ hàng hoá hoặc không chõ hành khách" để đảm bảo quyền lợi của cả doanh nghiệp vận tải hàng hoá và doanh nghiệp vận chuyển hành khách.</p> <p>- Ngoài ra tại trang 1 sự thảo, phần căn cứ cơ sở pháp lý, đề nghị chỉnh sửa lại nội dung: "Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp" để phù hợp nội dung dự thảo.</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa
15	Ban Quản lý khu kinh tế	<p>Điều chỉnh lại lại một số nội dung sau cho phù hợp</p> <p>4. Đối tượng miễn nộp phí:</p> <p>Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an; xe không chõ hàng hóa; xe không chõ hành khách; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tống; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của Nhà nước."</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa
16	Báo Gia Lai	Thống nhất	
17	Ban Dân tộc	Thống nhất	
18	Hội Liên hiệp phụ nữ	Thống nhất	
19	Hội Nông dân	Thống nhất	
20	Cục Hải Quan Gia Lai - Kon Tum	<p>Đề nghị làm rõ nội dung đối tượng được miễn nộp phí "xe không chõ hàng hóa". Vì theo đơn vị "xe không chõ hàng hóa" có 2 cách hiểu:</p> <p>- Cách 1: xe không chõ hàng hóa là tất cả các loại xe không chõ hàng hóa được miễn nộp phí kể cả xe ô tô chõ người.</p> <p>- Cách 2: xe không chõ hàng hóa là các xe ô tô vận tải hàng hóa đã được thu nộp phí một chiều khi xe có hàng.</p>	Tiếp thu ý kiến
21	Cục Thuế tỉnh	Thống nhất	
22	UBND huyện Phú Thiện	Thống nhất	

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN	Ghi chú	
23.	UBND huyện Ia Grai	Thống nhất		
24	UBND huyện Ia Pa	Thống nhất		
25	UBND Thị xã Ayun Pa	Thống nhất		
26	UBND huyện Đăk Pơ	Thống nhất		
27	UBND huyện Kong Chro	Thống nhất		
28	UBND huyện Chư Prông	- Đề nghị điều chỉnh cụm từ “Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017” thành cụm từ “Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh” tại phần trích yếu dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; - Đề nghị bỏ căn cứ “Thực hiện Thông báo số 222/TB-VP ngày 14/10/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc Kết luận của đồng chí Hồ Phước Thành – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ban Quản lý Khu kinh tế đã triển khai lấy ý kiến, tổng hợp, giải trình các ý kiến liên quan” tại phần căn cứ dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh		Tiếp thu và chỉnh sửa
29	UBND huyện Chư Pưh	Thống nhất		
30	UBND huyện Ia Pa	Thống nhất		
31	UBND huyện Chư Păh	Thống nhất		
32	UBND huyện Mang Yang	- Tại dự thảo, “khẩn xét tờ trình... đã nhầm nội dung, là phí sử dụng công trình, không phải lệ phí đăng ký cư trú...” - Tại khoản 4 đ.đ. 2 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ ý: xe không chờ hàng hóa vào đối tượng miễn nộp phí, sẽ khó khăn trong công tác quản lý và tạo kẽ hở trong quản lý một cách không cần thiết.	- Tiếp thu - Không Tiếp thu vì việc thu phí là thu cả phương tiện ra và phương tiện vào Cửa khẩu nên ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí của doanh nghiệp; trong quá trình thu rất nhiều doanh nghiệp đề nghị chỉ thu phí phương tiện chờ hàng hóa, chờ khách, không thu phí phương tiện không chờ hàng hóa, xe không chờ hành khách nhằm tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn doanh nghiệp vận tải hàng hoá và doanh nghiệp vận chuyển hành khách	
33	UBND Thị xã An Khê	Thống nhất		
II Các đơn vị không tham gia góp ý				
1	UBMT Tổ quốc Việt Nam	Không có Công văn góp ý		
2	Sở Y tế	Không có Công văn góp ý		
3	Đài Phát thanh và Truyền hình	Không có Công văn góp ý		
4	Điện lực Gia Lai	Không có Công văn góp ý		
5	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	Không có Công văn góp ý		
6	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Không có Công văn góp ý		

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN	Ghi chú
7	BQL Dự án ĐTXD các Công trình Giao thông	Không có Công văn góp ý	
8	BQL Dự án ĐTXD các công trình NN và PT nông thôn tỉnh	Không có Công văn góp ý	
9	Công an tỉnh	Không có Công văn góp ý	
10	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	Không có Công văn góp ý	
11	Liên đoàn Lao động tỉnh	Không có Công văn góp ý	
12	Liên minh các Hợp tác xã	Không có Công văn góp ý	
13	Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Không có Công văn góp ý	
14	Thanh tra tỉnh	Không có Công văn góp ý	
15	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	Không có Công văn góp ý	
16	Quý Báo vệ phát triển rừng tỉnh	Không có Công văn góp ý	
17	UBND Thành phố Pleiku	Không có Công văn góp ý	
18	UBND huyện Kbang	Không có Công văn góp ý	
19	UBND huyện Đak Đoa	Không có Công văn góp ý	
20	UBND huyện Đức Cơ	Không có Công văn góp ý	
21	UBND huyện Chư Sê	Không có Công văn góp ý	
22	UBND huyện Krông Pa	Không có Công văn góp ý	

Số: 194 /TTr-STC

Gia Lai, ngày 06 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 22/11/2021 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai V/v Kết quả giám sát “Việc thực hiện Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII Kỳ họp thứ Sáu ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng

12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, gồm các nội dung sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

1. Tại Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có nêu: “Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương, nhưng cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng giữa các địa phương và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”.

2. Tại tiết 2, điểm 2.2, khoản 2, mục II của Báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 22/11/2021 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai có nêu: “*kiểm tra việc rà soát việc thực hiện thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi nếu cần thiết*”.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích:

1.1. Sửa đổi mục II khoản 3 điều 1 phụ lục Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

- Trong thời gian thực hiện công tác thu phí Quy định mức thu phí tại mục II phụ lục Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND “Phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) có chở gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cao su), chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập hàng hóa chuyên khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh” công tác thu gặp khó khăn vì chưa có thông tin cụ thể để xác định đối tượng thu, phải có hồ sơ liên quan đến thủ tục kê khai hàng hóa hoặc phải có xác nhận phương tiện thuộc đối tượng phải thu của các lực lượng chức năng; việc kê khai thủ tục hàng hóa tại địa điểm tập kết hàng hóa do Cục Hải quan cấp phép, điểm tập kết nằm sau Trạm kiểm soát liên hợp trong khi đó việc thu phí trước khi làm thủ tục.

- Theo Đề án của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh xây dựng thì kết quả thu cho thấy từ năm 2020 đến nay tại Mục II Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 “*phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) chở gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cây cao su), chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyên khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa*

quá cảnh ...)” không có phát sinh số thu phí, lý do năm 2018, 2019 có phát sinh chủ yếu do phương tiện nhập khẩu gỗ từ Campuchia. Từ năm 2020 đến nay không phát sinh do chính sách đóng cửa rừng của nước bạn.

- Hiện nay, trên cả nước tất cả các khu kinh tế có cửa khẩu đều áp dụng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu. Vì vậy, mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

ĐVT: 1.000 đồng/xe/lượt qua cửa khẩu

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức tham khảo một số tỉnh			Mức thu phí đang áp dụng theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017
		Tây Ninh	Bình Phước	Kom Tum	
I	Xe chở khách, chở hàng hóa thông thường				
1	Xe ô tô chở khách dưới 12 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng dưới 02 tấn.	100		50	50
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	200	140	70	60
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	300	220	130	120
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có	400	250	220	180

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức tham khảo một số tỉnh			Mức thu phí đang áp dụng theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017
		Tây Ninh	Bình Phước	Kom Tum	
	tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.				
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	500	300	320	230

Vì vậy, Để thuận tiện trong việc thu phí đề nghị bỏ mục II Khoản 3 Điều 1 Phụ lục của Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017.

1.2. Bổ sung khoản 4 điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Việc thu phí là thu cả phương tiện ra và phương tiện vào Cửa khẩu nên ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí của doanh nghiệp; trong quá trình thu rất nhiều doanh nghiệp đề nghị chỉ thu phí phương tiện chở hàng hóa, chở khách, không thu phí phương tiện không chở hàng hóa, xe không chở hành khách nhằm tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn doanh nghiệp vận tải hàng hoá và doanh nghiệp vận chuyển hành khách.

Vì vậy, để tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid -19 đề nghị tại khoản 4, Điều 1, Nghị Quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 bổ sung thêm nội dung “xe không chở hàng hóa, xe không chở hành khách”.

1.3. Thay đổi bổ sung một số căn cứ pháp lý trong Nghị Quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

- Bổ sung thêm căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Thay đổi Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội

đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bộ căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu vì hết hiệu lực thi hành.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Việc xây dựng Nghị quyết bám sát đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước quy định về lệ phí.

b) Đảm bảo sự phù hợp về thẩm quyền ban hành Nghị quyết; trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thời gian đăng tải Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh từ ngày 05/4/2022 đến ngày 5/5/2022 (<https://gialai.gov.vn/pages/dong-gop-du-thao-van-ban.aspx?ItemID=129>).

IV. Bộ cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Bộ cục: Nghị quyết gồm 02 điều.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

(Gửi kèm theo Văn bản này gồm dự thảo Tờ trình và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (điều chỉnh, bổ sung)).

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xem xét, quyết định

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, PGĐ Sở;
- Lưu VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Dũng

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình
kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu
trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỶ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu.

Xét Tờ trình số 4304/TT-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước) có phương tiện ra, vào cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có trách nhiệm nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng.

2. Cơ quan thu phí: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai.

3. Mức thu phí:

DVT:1.000VND/xe/lượt

TT	Đối tượng thu	Mức thu
I	Xe chở người, phương tiện vận tải (trừ phương tiện vận tải có chở hàng hóa qui định tại mục II bảng này)	
1	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn	50
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi (năm) đến 30 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	60
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi (năm) trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	120
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20 fit	180
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	230
II	Phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) có chở gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cây cao su), chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh	
1	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn, có tải trọng CPTGGT.	200
2	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	300
3	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	800
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20 fit	1.500
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	2.000

4. **Đối tượng miễn nộp phí:** Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “phí đường bộ toàn quốc”; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tổng, dẫn đường; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của Nhà nước.

5. Kế khai, nộp phí của cơ quan thu:

a) Cơ quan thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí được để lại theo Chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Chậm nhất là vào ngày 05 của tháng kế tiếp, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

6. Tỷ lệ trích để lại:

a) Cơ quan thu phí được để lại 20% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ công việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

b) Cơ quan thu phí nộp ngân sách nhà nước 80% tổng số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2017. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HDND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT- TH.



Dương Văn Trang

ĐỀ ÁN

Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (điều chỉnh, bổ sung)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý để xây dựng đề án

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 6403/VPCP-KTTH ngày 03/8/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng mức phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và các tiện ích trong khu cửa khẩu phù hợp với luật phí và lệ phí;

Ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 15498/BTC-CST ngày 31/10/2016 đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu biên giới đất liền và cảnh biển sớm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết về thu phí để thực hiện thu kể từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

2. Căn cứ pháp lý có sự thay đổi.

Bổ sung thêm căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Thay đổi Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bỏ căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu vì hết hiệu lực thi hành.

3. Việc thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu không gây ra tình trạng chồng lấn, trùng lặp các loại phí khác:

- Các khoản phí liên quan đến xuất, nhập khẩu như: Xếp dỡ hàng hóa, kiểm định lưu kho bãi... là các loại chi phí mà doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập hàng hóa trả theo giá dịch vụ do các doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan cung cấp trong phạm vi, diện tích đất của doanh nghiệp. Giá dịch vụ này được doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan niêm yết công khai theo quy định của Luật Giá.

- Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu là quy định Luật phí và lệ phí nhằm bù đắp chi phí duy tu, sửa chữa, đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; không trùng lặp với các giá dịch vụ của các doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan thu theo quy định của Luật Giá và trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp; khác với phí bảo trì đường bộ theo đầu phương tiện do Bộ Tài chính quy định.

Như vậy, việc thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu là không có sự chồng lấn, trùng lặp.

4. Việc thu phí không trái với mục tiêu của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Theo cam kết gia nhập WTO, Việt Nam được quyền thu phí đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Như vậy, việc thu phí này phù hợp với cam kết khi Việt Nam gia nhập WTO.

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và giảm chi phí cho doanh nghiệp cụ thể như điều chỉnh lại tiền thuê đất, chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chi phí khác, ưu đãi về các loại thuế... có lợi cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, Ban Quản lý Khu kinh tế còn tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để giải quyết các kiến nghị và khó khăn của doanh nghiệp: Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kết nối các quốc lộ, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp lưu thông hàng hóa xuất, nhập khẩu....

Khoản thu Phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu dùng để duy tu, sửa chữa và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ lại doanh nghiệp.

Mặt khác, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Văn bản số 5036/VPCP-KTTH ngày 16/5/2017 của Văn phòng Chính phủ; hàng năm tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thu phí để trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định điều chỉnh mức thu, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp Luật phí và lệ phí và pháp luật khác có liên quan, phù hợp với khả năng đóng góp và tính cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi tại Việt Nam theo như chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 và số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016.

II. NỘI DUNG QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ

1. Phạm vi áp dụng:

Áp dụng thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

2. Đối tượng chịu phí, lệ phí:

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có phương tiện (theo danh mục bên dưới) ra, vào cửa khẩu trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có trách

nhiệm nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng (đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu) trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

3. Cơ quan đơn vị tổ chức thu phí, lệ phí

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai

4. Mức thu phí, lệ phí

Trước khi xây dựng phương án thu Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan chức năng đã tham khảo và so sánh giá với các địa phương có Cửa khẩu tương đồng. Đặc biệt, hàng hóa thông thường, nông sản giá thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thấp hơn so với các Cửa khẩu khu vực phía Nam.

Mức thu phí phù hợp, tương đương với mức thu đang thực hiện tại các cửa khẩu biên giới đất liền trên cả nước đảm bảo tương đồng giữa các cửa khẩu.

Hiện nay, trên cả nước tất cả các khu kinh tế có cửa khẩu đều áp dụng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu. Vì vậy, thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

ĐVT: 1.000 đồng/xe/lượt qua cửa khẩu

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức tham khảo một số tỉnh			Mức thu phí đề xuất
		Tây Ninh	Bình Phước	Kom Tum	
I	Xe chở khách, chở hàng hóa thông thường				
1	Xe ô tô chở khách dưới 12 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng dưới 02 tấn.	100		50	50

2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	200	140	70	60
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	300	220	130	120
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	400	250	220	180
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	500	300	320	230

5. Kết quả thu phí từ năm 2018 đến năm 2021.

Số thu năm 2018 :	5.676.510.000 đồng
Nộp ngân sách	4.541.208.000 đồng
Được để lại theo quy định:	1.135.302.000 đồng
Đã chi từ nguồn để lại:	866.023.803 đồng
Số thu năm 2019:	2.859.570.000 đồng
Nộp ngân sách	2.287.656.000 đồng
Được để lại theo quy định:	571.914.000 đồng
Đã chi từ nguồn để lại:	545.052.117 đồng
Số thu năm 2020:	3.544.430.000 đồng
Nộp ngân sách	2.835.544.000 đồng

Được để lại theo quy định:	708.886.000 đồng
Đã chi từ nguồn để lại:	541.394.664 đồng
Số thu 2021:	4.012.830.000 đồng
Nộp ngân sách	3210.264.000 đồng
Được để lại theo quy định:	802.566.000 đồng
Đã chi từ nguồn để lại:	427.105.017 đồng

(Có phụ lục thu chi tiết kèm theo)

Nhận xét: Qua phụ lục chi tiết kết quả thu cho thấy từ năm 2020 đến nay Mục II (Xe (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) chở gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cây cao su), chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh ...) Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 73/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai không có phát sinh số thu phí lý do năm 2018, 2019 có phát sinh chủ yếu do phương tiện nhập khẩu gỗ từ Campuchia. Từ năm quý II năm 2019 đến nay không phát sinh do chính sách đóng cửa rừng của nước bạn.

6. Đối tượng miễn nộp phí.

Bổ sung thêm nội dung **“xe không chở hàng hóa, xe không chở hành khách”**.

Lý do, việc thu phí là thu cả phương tiện ra và phương tiện vào Cửa khẩu nên ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí của doanh nghiệp; trong quá trình thu rất nhiều doanh nghiệp đề nghị chỉ thu phí phương tiện chở hàng hóa, không thu phí phương tiện không chở hàng hóa nhằm tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Để hỗ trợ, sẻ chia, đồng hành cùng doanh nghiệp, hộ kinh doanh vượt qua những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid-19, sớm phục hồi sản xuất kinh doanh việc điều chỉnh, miễn giảm đối tượng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh nhằm kịp thời chia sẻ, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh vượt qua khó khăn, thách thức, tác động tiêu cực gây ra bởi dịch Covid-19, sớm ổn định, phục hồi sản xuất kinh doanh và tạo đà phát triển trong thời gian tới.

7. Phương án xác định tỷ lệ % số thu nộp ngân sách nhà nước và số được để lại đơn vị thu phí:

Trên cơ sở mức thu phí năm 2021, đề xuất phân bổ kinh phí như sau:

- Tổng số thu phí: 4.012.830.000 đồng/năm
- Chi phí hoạt động thu phí là: 802.566.000 đồng/năm

(có phụ lục chi tiết chi kèm theo)

- Xác định tỷ lệ % số thu phí để lại đơn vị: theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{802.566.000 \text{ đồng}}{4.012.830.000 \text{ đồng}} \times 100 = 20\%$$

Trong đó:

- Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động thu phí được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 2, Điều 5, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

- Dự toán về phí thu được sử dụng theo tỷ lệ như sau:

+ Để lại **20%** số phí thu được cho đơn vị thu để sử dụng trong việc tổ chức, duy trì các hoạt động thu phí tại cửa khẩu.

+ Nộp **80%** số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

8. Quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán phí:

8.1. Cơ quan thu phí, cơ quan phối hợp:

Cơ quan thu phí: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai

Cơ quan phối hợp: Chi cục Hải quan Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Địa điểm thu phí dự kiến đặt tại Trạm kiểm soát Liên hợp bố trí 02 quầy; 01 tại cửa xuất, 01 tại cửa nhập;

8.2. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán tiền phí:

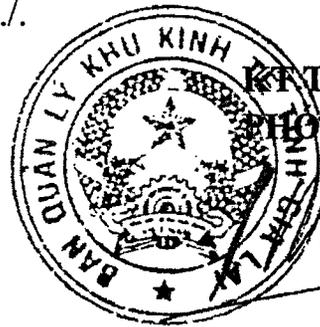
Ban Quản lý Khu kinh tế là đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm xây dựng Phương án thu phí, tổ chức thu, nộp số phí thu được vào ngân sách Nhà nước, quản lý, sử dụng tiền phí được để lại đơn vị và quyết toán theo quy định hiện hành.

Hàng tháng, Ban Quản lý Khu kinh tế phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Gia Lai.

Trên đây là Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh của Ban Quản lý Khu kinh tế. Kính trình Sở Tài chính xem xét thẩm định cho ý kiến tổng hợp trình các cấp phê chuẩn để triển khai thực hiện./.

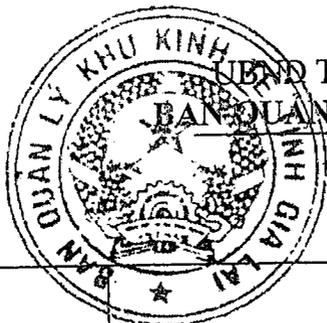
Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lưu VT-BQL.



KT. TRƯỞNG BAN
HT. TRƯỞNG BAN

Trần Quang Thái



UBND TỈNH GIA LAI
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC CHI TIẾT THU PHÍ

TT	LOẠI PHƯƠNG TIỆN	Mức thu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Lược phươn g tiện xuất, nhập cảnh	Số tiền	Lược phươn g tiện xuất, nhập cảnh	Số tiền	Lược phươn g tiện xuất, nhập cảnh	Số tiền	Lược phươn g tiện xuất, nhập cảnh	Số tiền
I	Xe chở khách, chở hàng hóa thông thường			5.676.510		2.859.570	29.256	3.544.430	31.907	4.012.830
1	Xe ô tô chở khách dưới 12 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng dưới 02 tấn.	50	52.094	2.604.700	24.287	1.214.350	16.682	834.100	18.102	905.100
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	60	6.009	360.540	4.033	241.980	839	50.340		
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi trở lên; xe tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải	120	1.574	188.880	342	41.040	336	40.320	602	72.240

	trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.									
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	180	970	174.600	185	33.300	42	7.560	24	4.320
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	230	3.173	729.790	4.830	1.110.900	11.357	2.612.110	13.179	3.031.170
II	Xe (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) chở gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cây cao su), chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh ...		43	1.618.000		218.000	-	-	-	-
1	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng dưới 02 tấn.	200	-	-		-	-	-	-	-
2	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn.	300	-	-		-	-	-	-	-
3	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 04 tấn đến dưới 10 tấn.	800	-	-		-	-	-	-	-

4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit.	1.500	-	-	-	-	-	-	-
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit.	2.000	809	1.618.000	109	218.000	-	-	-



**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI TỪ HOẠT ĐỘNG THU

Dự toán chi phí cần thiết cho các hoạt động thu phí/năm

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Dự toán chi dự kiến 01 năm	Ghi chú
	Tổng cộng			802.566	
1	Tiền công hợp đồng 04 người (01 người cửa nhập, 01 người cửa xuất, 02 người luân phiên) bố trí làm việc liên tục theo ca trong ngày từ 7h00 đến 17h30; kể cả thứ 7, chủ nhật, lễ tết.			228.373	Lương chính chưa trừ bảo hiểm : $14.530.000 \times 12 = 174.360.000$ đồng Các khoản hỗ trợ: $1.543.0000 \times 4 \times 12 = 74.064.000$ đồng
2	Các khoản phải đóng góp			39.231	$174.360.000 \times 22,5\%$
3	Chi phí in biên lai	12	1.000	12.000	
4	Tiền điện thấp sáng công cộng			241.597	Số chi năm 2021

5	Chi phí khác (văn phòng phẩm, mực in, sửa chữa công cụ dụng cụ, nước...)			50.000	
6	Chi mua sắm công cụ dụng cụ, đồng phục phục vụ công việc	2	10.000	20.000	
7	Phụ cấp làm thêm ngày lễ, tết			24.800	
8	Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ Trạm kiểm soát Liên hợp, cây cảnh.			186.565	